

Giá trị pháp lý quốc tế của Hội nghị hòa bình San Francisco trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa

Phạm Hồng Tung*

Tuần báo *Văn Nghệ* thành phố Hồ Chí Minh, tại các số 472 và 473, có đăng liên tiếp hai kỳ bài viết của tác giả Cao Đức Trường với tiêu đề “Pháp lý hay phi lý?”. Trong bài viết đó, ông Cao Đức Trường đã trao đổi với tôi và ông Nguyễn Văn Kim về bài viết của tôi và bài viết của ông Kim đã đăng trên tạp chí *Xưa&Nay*, tại số 487, có liên quan đến các vấn đề do ông Trường đặt ra trước đó, trên Tuần báo *Văn Nghệ* Thành phố Hồ Chí Minh..

Trong bài viết của mình, chính ông Cao Đức Trường đã xác nhận: “... Tôi thấy với chỗ đứng của hai ông và chỗ đứng của tôi, dù có tranh luận đến đâu cũng khó có thể dung hòa được”⁽¹⁾. Vì vậy, lẽ ra tôi không nên tiếp tục đối thoại thêm với ông Trường nữa. Tuy nhiên, trong bài viết “Pháp lý hay phi lý?” đó, ông Trường lại đặt ra một số vấn đề có liên quan đến cách hiểu một số nội dung của lịch sử Việt Nam cận - hiện đại, vì vậy, tôi thấy cần phải tiếp tục trao đổi để chỉ

ra cho công luận thấy rõ những thủ đoạn không khoa học, không trung thực của ông Trường trong các bài viết đăng trên Tuần báo *Văn Nghệ* Thành phố Hồ Chí Minh. Và tôi cũng nói luôn rằng, đây là lần cuối cùng tôi lên tiếng đối thoại với Cao Đức Trường.

Trong bài viết của mình đăng trên tạp chí *Xưa&Nay*, số 487, tôi đã nói rất rõ ràng về hai vấn đề cần tranh luận với Cao Đức Trường. Đó là: 1) Bản chất của thể chế Quốc gia Việt Nam; và 2) Về giá trị của lời tuyên bố của Trần Văn Hữu tại Hội nghị Hòa bình San Francisco năm 1951 về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Về vấn đề thứ nhất, trong bài viết của mình, tôi đã khẳng định rất chắc chắn, rằng: “... Xét về nguồn gốc, hoàn cảnh ra đời và quá trình ra đời, chính thể Quốc gia Việt Nam là một “ngụy triều”, một chính phủ bù nhìn của người Pháp”, và rằng: “Đứng trên quan điểm lợi ích dân tộc (*national interest*) thì chính thể

này ra đời và tồn tại hoàn toàn đi ngược lại nguyện vọng của dân tộc và đối nghịch với lợi ích quốc gia. Nguyện vọng cao nhất của dân tộc, lợi ích căn bản nhất của quốc gia là nền độc lập thật sự, thống nhất đất nước và chủ quyền toàn vẹn của quốc gia.”

Như vậy, về vấn đề đánh giá và khẳng định bản chất của Quốc gia Việt Nam với tính cách là một thực thể chính trị, quan điểm của tôi là hoàn toàn rõ ràng, dứt khoát. Trong một bài viết khác đăng trên tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 5 (493), tôi còn nói rõ thêm thế này: “... Có thể thấy rõ rằng: chính thể Quốc gia Việt Nam không thể biện minh được tính chính đáng chính trị (*political legitimacy*) ở trong nước, bởi lẽ về bản chất, đó là một chính thể bù nhìn, do thực dân Pháp cùng với một số nhóm chính khách đại diện cho các xu hướng ly khai dân tộc và ly khai chính trị lập ra, không được bầu ra và phê chuẩn bởi bất kỳ thiết chế dân cử dân chủ nào. Hơn nữa, trong quá trình tồn tại,

chính thể này đã có những hoạt động tự chứng tỏ là chính thể hợp tác với thế lực ngoại xâm, chống lại cuộc đấu tranh vì độc lập, vì tự do, vì thống nhất đất nước. Vì vậy, tôi cho rằng không thể vì bất kỳ lý do gì mà không trình bày rõ vấn đề này, nhất là không được “cào bằng”, đặt chính thể Quốc gia Việt Nam ngang bằng với chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa²¹.

Nếu tôi hiểu không sai thì ông Cao Đức Trường cũng có cùng quan điểm như trên trong đánh giá về bản chất của thể chế Quốc gia Việt Nam.

Vậy mà trong bài viết của mình đăng trên Tuần báo Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, số 472, ông Trường vẫn mãi miết chứng minh thêm về bản chất bù nhìn, tay sai của Bảo Đại và Quốc gia Việt Nam. Cách làm như thế của ông Trường sẽ khiến cho những ai không có điều kiện theo dõi toàn bộ cuộc tranh luận và đọc kỹ các bài viết của tôi, có thể nhận thức sai lầm, rằng tôi có quan điểm khác, tức là không thừa nhận bản chất bù nhìn, tay sai của chính thể Quốc gia Việt Nam. Đây là một thủ đoạn tranh biện mà ông Cao Đức Trường cũng sẽ lặp lại ở phần sau, khi trao đổi về vấn đề khác.

Nhân đây, cần phải chỉ ra sự khác biệt căn bản giữa cách lập luận của tôi và của ông Cao Đức Trường.

Về phía mình, để đi đến những nhận định như trên, tôi đã phải khảo cứu khá toàn diện về nguồn gốc, bối cảnh lịch sử, sự ra đời và hoạt động của thể chế Quốc gia Việt Nam. Từng ý kiến và mỗi phán đoán khoa học đều phải dựa trên những luận cứ và sử liệu xác tín. Đó cũng là những việc bình thường mà bất cứ ai tham gia tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử đều phải làm.

Còn ông Cao Đức Trường thì lại không làm như vậy. Cách mà ông lựa chọn là trích lục và dẫn ra những ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Bảo Đại và những

hoạt động của Bảo Đại và Quốc gia Việt Nam. Thưa ông Cao Đức Trường! Nếu nghiên cứu lịch sử mà chỉ dựa vào ý kiến của bậc vĩ nhân nào đó thôi, rồi đi đến kết luận, thì không phải là cách làm khoa học. Như thế, nếu xuất hiện những vấn đề lịch sử khác mà các vĩ nhân không có ý kiến gì thì chả lẽ nhà sử học đành bó tay hay sao? Những bậc vĩ nhân như Karl Marx, V.I. Lenin và Hồ Chí Minh đều là những người rất trọng tư duy khoa học và cách làm việc khoa học, cho nên các ông không bao giờ cho rằng những phát ngôn của mình là chân lý bất di bất dịch, đời sau phải nhất nhất tuân theo. Nếu Lenin cũng nhất mực tuân theo một cách máy móc những ý kiến của Marx thì làm gì có cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Nếu Hồ Chí Minh cứ nhất nhất tuân theo những ý kiến của Marx, Lenin và các chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản thì làm gì có cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam!

Tôi tin rằng ông Cao Đức Trường, một khi đã dẫn thân vào “trường văn, trận bút” thì đã phải hiểu thấu điều giản dị, hiển nhiên nói trên. Ông ta cố ý làm như vậy là nhằm đạt được một ý đồ: chup cho người đối thoại khoa học cái mũ “nói và làm trái tư tưởng Hồ Chí Minh”. Đây cũng chính là thủ đoạn ông Cao Đức Trường đã tiếp tục áp dụng khi trao đổi với tôi trong phần II của bài viết “*Pháp lý hay phi lý?*” về vấn đề xu hướng ly khai trong lịch sử Việt Nam.

Trong bài viết của mình in trên tạp chí *Xưa & Nay*, số 487, tôi viết:

“Bên cạnh xu hướng chủ đạo hướng tới thống nhất quốc gia – dân tộc, đã tồn tại những xu hướng địa phương chủ nghĩa (*regionalism*) và xu hướng ly khai chủ nghĩa (*separatism*) trong lịch sử Việt Nam, nhất là lịch sử Việt Nam cận đại”.

Điều tôi viết ra như thế, thiết tưởng đã quá rõ ràng, chỉ có

những ai không biết tiếng Việt mới không hiểu, hoặc là cố tình không hiểu.

Trong bài viết đăng trên Tuần báo Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, số 473, ông Cao Đức Trường cũng có trích lại đúng những câu chữ như trên của tôi. Thế nhưng, ông ta lại cố tình lờ đi việc tôi đã khẳng định, rằng xu hướng thống nhất quốc gia – dân tộc là xu hướng chủ đạo. Xin nói ngay rằng không chỉ riêng tôi khẳng định điều này, mà đây cũng là ý kiến được hầu như tất cả những ai nghiên cứu lịch sử Việt Nam ở trong và ngoài nước đều tán thành. Cố tình phớt lờ đi điều này, ông Cao Đức Trường vẫn mãi miết đi chứng minh xu hướng thống nhất quốc gia – dân tộc trong lịch sử Việt Nam. Vẫn với thủ đoạn cũ, ông ta làm như vậy để khiến cho người đọc có thể nhầm lẫn, cho rằng tôi phản đối việc thừa nhận xu hướng thống nhất trong lịch sử dân tộc ta.

Và hãy xem ông Cao Đức Trường chứng minh luận điểm của mình như thế nào?

Không hề đưa được ra sử liệu mới hay lập luận riêng có giá trị nào, ông Trường chỉ làm được cái việc là trích dẫn lại hàng loạt ý kiến của người khác. Lần này, không dựa vào ý kiến của các vĩ nhân, ông Trường dẫn ra ý kiến của nhiều người khác, từ Trịnh Hoài Đức, Bùi Dương Lịch, Nguyễn Đình Chiểu, Viện Sử học... đến các sĩ quan trong đội quân xâm lược của Pháp hồi thế kỷ XIX là Gosselin hay của viên Toàn quyền Đông Dương de Lanessan. Như tôi đã chỉ ra ở trên: nghiên cứu lịch sử mà chỉ dựa dẫm vào việc ai đó nói thế này, thế kia thì không phải là cách làm khoa học.

Bằng cách làm phi khoa học như vậy mà ông Trường định quy kết một cách trắng trợn cho tôi, rằng: “Ông Phạm Hồng Tung đã trực tiếp tuyên truyền một luận điểm sai trái, đã tán phát nhận thức lệch lạc của mình trên tờ tạp chí *Xưa & Nay* là cơ quan

của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam”.

Thưa ông Cao Đức Trường! Việc khẳng định tính chất chủ đạo của xu hướng thống nhất quốc gia – dân tộc của cộng đồng dân tộc Việt Nam trong lịch sử là hoàn toàn đúng đắn. Nhưng điều đó không có nghĩa là ai đó có thể nhắm mắt lại, phủ nhận sạch trơn của xu hướng địa phương (*regionalism*) và xu hướng ly khai (*seperatism*) trong lịch sử Việt Nam, nhất là trong lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại. Càng nguy hiểm hơn nếu cho rằng các biểu hiện của các xu hướng nói trên chỉ là “âm mưu của thực dân” hay bất kỳ một thế lực nào khác. Làm như thế, ông Trường sẽ luận giải thế nào về hiện tượng “Sứ quán” trong thế kỷ X và nội chiến “Trịnh – Nguyễn phân tranh” hàng chục năm trong các thế kỷ XVII, cụ thể diện “phân liệt Đảng Trong – Đảng Ngoài” hàng trăm năm trong thế kỷ XVII, XVIII? Bên cạnh đó, còn có nhiều biểu hiện cát cứ của cha con Nùng Trí Cao (thế kỷ 11), Đèo Cát Hân (thế kỷ XV)... ở các khu vực miền núi. Đến thời kỳ cận – hiện đại thì có những hiện tượng, thực thể mới xuất hiện, như “Cộng hòa Tự trị Nam kỳ quốc” hay “Quốc gia Việt Nam”, “Việt Nam Cộng hòa” và gần đây nhất, những vụ biến loạn ở Tây Nguyên, Mường Nhé...

Tất cả những hiện tượng, quá trình và những thực thể lịch sử nói trên là hoàn toàn có thật. Dương nhiên, mỗi hiện tượng hay quá trình lịch sử trên sẽ có những hình thức biểu hiện riêng, cội nguồn riêng, xuất phát từ những bối cảnh lịch sử cụ thể và có vai trò và vị trí riêng trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, dù có “thiên hình vạn trạng” đến đâu thì chúng cũng có những điểm chung sau đây:

Thứ nhất, chúng đều là những biểu hiện của chủ nghĩa địa phương và chủ nghĩa ly khai (ly khai dân tộc hoặc ly khai

chính trị hoặc cả ly khai dân tộc và ly khai chính trị).

Thứ hai, vì là biểu hiện của chủ nghĩa địa phương và chủ nghĩa ly khai nên chúng đối nghịch với xu hướng thống nhất quốc gia – dân tộc của dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, chúng thường bị các thế lực ngoại xâm lợi dụng trong quá trình xâm lược và thống trị dân tộc ta. Một số tập đoàn thống trị, vì lợi ích vị kỷ của mình, cũng có thể lợi dụng các xu hướng địa phương và ly khai chủ nghĩa này để trục lợi, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và thậm chí gây ra xung đột, nội chiến, hoặc nói giáo cho giặc ngoại xâm.

Vì ba đặc điểm chung nói trên, cho nên trong quá trình dựng nước và giữ nước, bên cạnh cuộc đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản thì dân tộc ta luôn luôn phải đấu tranh chống lại các xu hướng địa phương chủ nghĩa và ly khai chủ nghĩa này để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ sự toàn vẹn của chủ quyền quốc gia.

Thưa ông Cao Đức Trường! Nói như vậy để cho ông và những ai quan tâm rõ hơn về sự tồn tại khách quan của xu hướng địa phương chủ nghĩa và ly khai chủ nghĩa trong lịch sử Việt Nam. Còn trong bài viết của tôi đăng trên tạp chí *Xưa & Nay*, số 487, tôi đề cập đến vấn đề này chỉ với mục đích là chỉ ra một cội nguồn của Quốc gia Việt Nam (cũng như của Cộng hòa Tự trị Nam Kỳ quốc) chính là chủ nghĩa địa phương và chủ nghĩa ly khai. Đây chính là một trong những cách chứng minh của tôi, rằng sự ra đời và tồn tại của hai thực thể nói trên là đi ngược lại xu hướng chủ đạo, nguyện vọng tha thiết của dân tộc Việt Nam là độc lập, thống nhất và tự do.

Thế mà tôi không biết, do ông Trường đọc mà không hiểu tiếng Việt hay vì động cơ gì mà ông lại vu cáo cho tôi cái tội “trực tiếp tuyên truyền một luận điểm sai trái, tán phát nhận thức

lệch lạc”. Hơn nữa, ông còn lôi cả ông Nguyễn Ngọc, Văn đoàn để cho rằng tôi và những người trên có một mối liên hệ nào đó, khi ông viết: “Giữa ông Tung và Keith W. Taylor ai đã “tiếp tay” cho ai trong ý đồ xuyên tạc tình đoàn kết, thống nhất của dân tộc ta nhằm gây rối sự yên bình của Việt Nam khi vừa trải qua những đau thương, mất mát chưa kịp bù đắp, phục hồi được?” Ông Cao Đức Trường có chứng minh được những điều ông đã viết ra và công bố trên Tuần báo Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh hay không? Nếu ông không chứng minh được thì đó chỉ là sự vu cáo trắng trợn, và vì việc đó, tôi có thể khởi kiện ông theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Ở đây, tôi khẳng định rằng tôi không có bất kỳ quan hệ nào với ông Nguyễn Ngọc và Văn đoàn độc lập.

Còn về Keith W. Taylor, xin thưa với ông Cao Đức Trường, tôi là một trong những người đầu tiên, nếu không phải là người duy nhất khi đó, đã lên tiếng phê bình những luận điểm học thuật sai trái của ông ta về định hướng dân tộc chủ nghĩa của người Việt Nam, ngay từ sau khi Keith W. Taylor công bố luận điểm của ông ta trong bài nghiên cứu có tiêu đề “Surface Orientations in Vietnam: Beyond Histories of Nation and Region” in trên tạp chí *The Journal of Asian Studies* (No.4, November 1998). Đặc biệt là gần đây, khi ông ta công bố cuốn sách *A History of the Vietnamese*, thì cũng chính là tôi đã lên tiếng đầu tiên cảnh báo cho các vị đồng nghiệp trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam về các luận điểm sai lầm, nguy hiểm của Taylor. Các bài viết phê phán của tôi đối với những luận điểm của Keith W. Taylor và một số người khác không chỉ được công bố ở Việt Nam mà còn được công bố ở cả nước ngoài⁽³⁾.

Vậy nên, thưa ông Trường,

cha ông ta đã từng dặn dò rất đúng, rằng “*Biết thì thưa thốt, không biết dựa cột mà nghe!*” Trước khi ông muốn phát ngôn về vấn đề gì, nên tìm hiểu kỹ càng hơn, thực chứng hơn một chút.

Bây giờ tôi xin trở lại trao đổi tiếp với ông Cao Đức Trường về giá trị của lời tuyên bố của Trần Văn Hữu, Thủ tướng Quốc gia Việt Nam tại Hội nghị Hòa bình San Francisco năm 1951.

Về ý kiến của mình, tôi đã viết rất rõ ràng trong bài viết đã đăng trên tạp chí *Xưa & Nay*, số 487.

Từ các lập luận của ông Trường, tôi hiểu rằng ông trước sau vẫn khẳng định phủ nhận sạch trơn giá trị của lời tuyên bố của Trần Văn Hữu tại Hội nghị Hòa bình San Francisco năm 1951 là dựa trên một số lý do chính sau đây:

- Bảo Đại, Trần Văn Hữu và Quốc gia Việt Nam là tay sai, là bù nhìn của thực dân Pháp, cho nên tất cả những gì gắn với thể chế này đều vô giá trị đối với dân tộc Việt Nam;

- Sự công nhận quốc tế (của 35 nước và tổ chức quốc tế) đối với Quốc gia Việt Nam là vô giá trị, vì đó chỉ là kết quả của “sự lôi kéo” của Mỹ, Pháp, Anh. Do đó, tất cả các văn bản, hiệp định, lời tuyên bố... của Quốc gia Việt Nam là vô giá trị. Ông Cao Đức Trường còn lo ngại, rằng nếu công nhận giá trị của lời tuyên bố của Thủ tướng Quốc gia Việt Nam thì sẽ phủ nhận hoặc làm giảm giá trị của những bằng chứng khác của chúng ta trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Sau đây tôi sẽ nói ngắn gọn về các vấn đề trên để chỉ ra cái không đúng trong lập luận của ông Trường.

Thứ nhất, cho dù chính thể Quốc gia Việt Nam hay bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào, dù bản chất của họ thế nào và vị thế của họ ra sao, nhưng nếu họ có bất kỳ lời nói, việc làm nào có lợi cho

quốc gia – dân tộc thì chúng ta cũng cần ghi nhận và đánh giá đúng mực đối với việc làm, lời nói đó. Đó mới chính là cách nhìn nhận, đánh giá lịch sử khách quan, khoa học, biện chứng. Còn nếu phủ nhận sạch trơn giá trị của những lời nói, việc làm có lợi cho quốc gia – dân tộc, chỉ vì chủ thể của lời nói, việc làm đó là bù nhìn, tay sai hoặc là “người xấu” theo ý nghĩa nào đó, thì chính là lối tư duy logic hình thức, cực đoan, không phù hợp với việc nhận thức và đánh giá lịch sử.

Để giúp cho câu chuyện này trở nên dễ hiểu, rõ ràng hơn, tôi xin dẫn ra đây một ví dụ trong lịch sử dân tộc. Chúng ta đều biết nhà Trần vốn có nguồn gốc là người Mân (Trung Quốc); rằng triều đại nhà Trần đã ra đời bằng con đường đoạt ngôi nhà Lý, sau đó còn dùng các thủ đoạn tàn khốc, giết hại tôn thất nhà Lý. Nhà Trần cũng chủ trương hôn nhân nội tộc, tức là loạn luân. Người đóng vai trò quan trọng nhất, gây ra những “tội” trên chính là Trần Thủ Độ. Vì những điều này, các sử gia như Phan Phu Tiên hay Ngô Sĩ Liên đều đã dành cho nhà Trần nói chung, vua Trần Thái Tông và Trần Thủ Độ nói riêng những lời phê phán rất nặng nề⁽⁴⁾. Thậm chí, Ngô Sĩ Liên còn viết về Trần Thủ Độ như sau: “... Thiên hạ đời sau chỉ mặt gọi là giặc giết vua, hướng chỉ lại còn làm thói chó lợn”⁽⁵⁾. Thế nhưng, không phải chỉ các sử gia, mà là tất cả các thế hệ người Việt Nam từ thế kỷ XIII đến nay, ai mà không biết đến và tự hào với những võ công hiển hách trong bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu vĩ đại trong xây dựng đất nước mà dân tộc ta đã đạt được dưới sự lãnh đạo của vua quan nhà Trần. Những người kiệt xuất như Trần Nhân Tông và Trần Hưng Đạo còn được nhân dân tôn thờ như các vị Phật, vị Thánh.

Thứ hai, về giá trị của sự công nhận quốc tế hồi đó (1950 - 1951) đối với Quốc gia Việt Nam, ông

Cao Đức Trường cũng phủ nhận sạch trơn, vì cho rằng sự công nhận đó chẳng qua chỉ là kết quả của sự lôi kéo của Anh, Pháp và Mỹ. Để củng cố cho lập luận của mình, ông Trường dẫn ra việc Mỹ lôi kéo các nước như Úc, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân, Nam Hàn tham gia vào cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam trong thời kỳ Kháng chiến chống Mỹ. Phải nói ngay rằng, việc lôi kéo, vận động, thiết lập liên minh... trong hoạt động ngoại giao, trên chính trường quốc tế là hết sức bình thường. Tuy vậy, không có ai chỉ vì hiện tượng “lôi kéo” này mà phủ nhận sạch trơn những quan hệ, hiệp định, cam kết quốc tế như cái kiểu ông Trường đang làm. Xin hỏi ông Cao Đức Trường, với cách suy diễn, lập luận của mình, ông có dám phủ nhận giá trị của Hội nghị cấp cao APEC vừa diễn ra ở Đà Nẵng không? Thưa ông, ở đó cũng có rất nhiều sự lôi kéo, vận động, thương lượng... đấy ạ.

Riêng về Hội nghị Hòa bình San Francisco năm 1951, việc kiểm tra và phê chuẩn tư cách tham gia của đại diện các nước diễn ra rất nghiêm ngặt. Bất kỳ đoàn đại biểu nào cũng phải nhận được sự nhất trí của “tam cường” là Mỹ, Liên Xô và Anh – ba nước đã đóng vai trò lãnh đạo phe Đồng minh trong Chiến tranh Thế giới II, thì mới được tham gia. To lớn như CHND Trung Hoa hoặc từng có vai trò quan trọng trong phe Đồng minh chống phát xít Nhật ở châu Á như Trung Hoa Dân quốc, nhưng do ba nước Liên Xô, Mỹ và Anh không nhất trí được với nhau về việc chính thể nào sẽ đại diện cho Trung Quốc nên hai chính thể này đã cùng bị loại khỏi Hội nghị. Như thế chứng tỏ việc Quốc gia Việt Nam được tham dự Hội nghị Hòa bình San Francisco năm 1951 đã nhận được sự nhất trí của cả Anh, Mỹ và Liên Xô, chứ không phải chỉ là kết quả “lôi kéo” của Mỹ hay của Pháp. Cần phải nhắc thêm rằng

lúc đó (tháng 9-1951), Liên Xô đã công nhận chính thức Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 30-1-1950) và sau đó đã bắt đầu viện trợ vũ khí và trang thiết bị quân sự cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thế mà tại Hội nghị Hòa bình San Francisco, với vai trò là cường quốc xã hội chủ nghĩa duy nhất, Liên Xô đã tán thành việc Trần Văn Hữu và đoàn đại biểu của Quốc gia Việt Nam tham gia Hội nghị với tư cách đại diện chính thức của Việt Nam, được quyền cùng đại diện tất cả các nước khác ký tên vào bản Hiệp ước Hòa bình với Nhật Bản (*Treaty of Peace with Japan*).

Đó là sự thật lịch sử. Việc công nhận quốc tế đối với Quốc gia Việt Nam và lời tuyên bố của ông Trần Văn Hữu với tư cách đại diện chính thức duy nhất của Việt Nam tại Hội nghị Hòa bình San Francisco năm 1951 là có giá trị pháp lý quốc tế đầy đủ.

Hơn 60 năm trước CHND Trung Hoa cũng đã muốn phủ nhận bản Hiệp ước Hòa bình với Nhật Bản và tất cả các tuyên bố tại Hội nghị đó, nhưng họ đã không thể làm được điều này. Thế thì ngày nay, cho dù Cao Đức Trường muốn phủ nhận sự thật lịch sử này thì ông ta cũng không thể làm được! Bản Hiệp ước và các quyết nghị của Hội nghị đã có hiệu lực thực tế, do đó, sau khi quân đội Nhật Bản rút đi thì các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được giao cho Quốc gia Việt Nam quản lý. Sau này, quyền quản lý hai quần đảo nói trên thuộc về Việt Nam Cộng hòa. Vì vậy, việc CHND Trung Hoa dùng vũ lực cưỡng chiếm Hoàng Sa năm 1974 là hoàn toàn trái với luật pháp và thông lệ quốc tế.

Về phía Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, Sách trắng do Bộ Ngoại giao công bố chính thức vào tháng 10-1979 với tiêu đề *Sự thật về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc 30 năm qua* (Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1979) đã khẳng định dứt khoát, rằng hành vi tấn công quân sự, đánh

chiếm Hoàng Sa của Trung Quốc vào năm 1974 “...thực chất đó là một hành động xâm lược, một sự xâm chiếm lãnh thổ Việt Nam để khống chế Việt Nam từ mặt biển và từng bước thực hiện mưu đồ độc chiếm biển Đông.” Và “... hành động của phía Trung Quốc xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa là ngang ngược, bất chấp luật pháp quốc tế, gây ra một tình trạng việc đã rồi”⁽⁶⁾.

Còn báo *Nhân Dân* – Cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam, tại số 9241 (ngày 29 tháng 9 năm 1979), trong khi công bố “Một số tư liệu chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa” có ghi nhận *Tài liệu số 15*, nguyên văn như sau: “Lời tuyên bố của Đoàn đại biểu Việt Nam tại Hội nghị San Francisco (1951). Ngày 7-9-1951, tại Hội nghị San Francisco, Trần Văn Hữu, thủ tướng chính phủ Bảo Đại tuyên bố khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Nội dung như sau: “Và cũng vì cần phải dứt khoát lợi dụng tất cả mọi cơ hội để dập tắt những mầm mống các tranh chấp sau này, chúng tôi xác nhận chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi đối với các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa” (Đăng trên tạp chí *France – Asia*, số 66-67, Novembre – Décembre 1951)⁽⁷⁾. Sau đó, tại số 12281, ra ngày 26-2-1988, báo *Nhân Dân* tiếp tục công bố tài liệu này như sau: “Năm 1951: ngày 7 – 9, thủ tướng kiêm ngoại trưởng chính quyền Bảo Đại Trần Văn Hữu long trọng tuyên bố, khẳng định trước đại biểu của 51 nước tham dự Hội nghị San Francisco rằng: Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ lâu là bộ phận lãnh thổ Việt Nam”⁽⁸⁾. Cần lưu ý rằng tư liệu trên đây được báo *Nhân Dân* công bố lại khi Trung Quốc đang gây hấn nghiêm trọng ở quần đảo Trường Sa và chỉ sau đó ít ngày, ngày 14-3-1988, thì họ tấn công cưỡng chiếm đảo Gạc

Ma của Việt Nam.

Như vậy là, Đảng và Nhà nước ta đều có phủ nhận giá trị lời tuyên bố của Trần Văn Hữu tại Hội nghị San Francisco, trái lại, đã nhất quán coi đó như một trong những tài liệu, một minh chứng có giá trị pháp lý quốc tế đầy đủ về chủ quyền quốc gia của Việt Nam đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày nay, ông Cao Đức Trường phủ nhận sạch trơn giá trị pháp lý quốc tế của Hội nghị Hòa bình San Francisco, phủ nhận sạch trơn giá trị pháp lý quốc tế lời tuyên bố của Trần Văn Hữu, thì hãy thử hỏi việc làm đó của ông sẽ có lợi cho ai? Kẻ được lợi nhiều nhất là Trung Quốc – quốc gia đã dùng thủ đoạn xâm lược cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam năm 1974 và sau đó tiếp tục sử dụng vũ lực cưỡng chiếm Gạc Ma và một số đảo khác thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Làm như thế, có thể ông Trường sẽ thỏa mãn được việc tiếp tục quy kết, lên án Quốc gia Việt Nam và Trần Văn Hữu là “ngụy”, là “bù nhìn, tay sai” của Pháp – một việc làm thừa, vì có ai nói khác đâu! Nhưng làm như thế là ông Trường đang phản bội lại, chà đạp lên lợi ích, chủ quyền quốc gia – dân tộc Việt Nam, tiếp tay cho các thế lực ngoại bang đã và đang rắp tâm, ra sức xâm chiếm hai quần đảo nói trên của nước ta. Làm như thế, thưa ông Trường, ông có nghĩ tới xương máu của cha ông ta bao đời nay, của các chiến sĩ Việt Nam đã ngã xuống trong các trận chiến bảo vệ Hoàng Sa năm 1974 và bảo vệ Gạc Ma năm 1988 không?!

Vì vậy, trong bài viết trên tạp chí *Xưa & Nay*, số 487, tôi đã nhận định rằng cách lập luận của ông Cao Đức Trường là “một sự suy diễn đại dốt và vô cùng nguy hiểm”. Như thế có oan ức gì đâu, thưa ông!

Còn một số vấn đề nữa do ông Trường nêu ra, lẽ ra cũng cần có ý kiến trao đổi lại. Song, vì bài

Mấy tư liệu mới về Lê Văn Tám

Nguyễn Huy*

SAU BÀI VIẾT “VỀ CÂU CHUYỆN LÊ VĂN TÁM” CỦA GS PHAN HUY LÊ ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ XUA&NAY SỐ 340, THÁNG 9-2009, MỘT SỐ TÁC GIẢ TỎ Ý NGHĨ VẤN VỀ LỜI DẪN CỦA GS TRẦN HUY LIỆU VÀ CẢ Ý KIẾN CỦA GS. TRẦN VĂN GIÀU VỀ VẤN ĐỀ LÊ VĂN TÁM. TÔI XIN ĐƯỢC CÔNG BỐ MỘT SỐ TƯ LIỆU MỚI GÓP PHẦN VÀO VIỆC NGHIÊN CỨU VỀ LÊ VĂN TÁM. TÔI XIN CẢM ƠN TÒA SOẠN TẠP CHÍ XUA&NAY VÀ GS. PHAN HUY LÊ ĐÃ CHO PHÉP SỬ DỤNG VÀ CÔNG BỐ NHỮNG TƯ LIỆU NÀY.

1. Tư liệu 1: Bài phỏng vấn PGS. Bùi Đình Thanh

Đây là bài phỏng vấn PGS. Bùi Đình Thanh về Lê Văn Tám do phóng viên tạp chí Xua&Nay thực hiện vào lúc 16 giờ ngày 21-4-2009.

PGS. Bùi Đình Thanh trả lời:

“Năm 1958, tôi chuyển ngành, về công tác tại Viện Sử học, phụ trách Ban Cận - Hiện đại, có dịp làm việc thường xuyên với anh Liệu (Viện trưởng). Có lẽ là năm 1960, anh Liệu mời tôi qua phòng anh bàn về việc chuẩn bị tài liệu tuyên truyền về Cách mạng tháng Tám và Nam bộ kháng chiến. Ý anh Liệu là trong tình hình này, cần phải đề cao tinh thần bất khuất, khí chất kiêu hùng của đồng bào Nam bộ để động viên phong trào.

Tôi nêu một số sự kiện, trong đó có chuyện “ngọn đuốc sống Lê Văn Tám”. Anh Liệu đồng ý cả, nhưng nói riêng với tôi là **chuyện “ngọn đuốc sống Lê Văn Tám” là do anh sáng tác ra, chứ nhân vật Lê Văn Tám là không có thật**. Tôi bần khoản hỏi lại: chuyện có tình tiết, người có tên họ, sao lại không thật?

viết cũng đã khá dài rồi, và lại, với cái cách lập luận phi khoa học của ông Trường thì có trao đổi thêm nữa cũng chẳng ích gì. Hãy để cho công luận có lương tâm và có trình độ tự do, khách quan phân xét những vấn đề được nêu ra.■

CHÚ THÍCH:

*. GS. TS, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc Gia, Hà Nội.

1. Cao Đức Trường, “Pháp lý hay phi lý?”, in trên: *Tuần báo Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*, số 472.

2. Phạm Hồng Tung, “Vấn đề ‘nguy triều’ và việc nghiên cứu, đánh giá, trình bày về thể chế Quốc gia Việt Nam trong lịch sử dân tộc”, in trong: *Nghiên cứu Lịch sử*, số 5 (493), 2017, tr. 17.

3. Bạn đọc quan tâm, có thể tham khảo các bài viết của tôi: “Tinh thống nhất và đa dạng văn hoá: Giáo dục và vấn đề bản sắc dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa”, *Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ*, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, số 9/2007, tập 10, tr.87-102”, và: “The Role of Nationalism in the Vietnamese Revolution and Current Nationalist Issues in Vietnam”,

in trong: *Panorama - Insights into Asian and European Affairs*, Konrad- Adenauer Stiftung Ltd, Singapore, 2015.

4. Xem: *Dại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr.7, 9, 16, 17, 24, 34, 35.

5. *Dại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sđd, tr.9.

6. *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc 30 năm qua*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1979, tiểu mục 2, mục IV, Phần thứ ba.

7. *Nhân Dân*, số 9241, ra ngày 29 tháng 9 năm 1979, tr.3.

8. *Nhân Dân*, số 122281, ra ngày 26 tháng 2 năm 1988, tr.1.